

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Thúy K**, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Số D, ấp Q, xã T, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre).

2. Bị đơn: **Ông Phạm Hồng M**, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: ấp Q, xã T, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành **ngày 14 tháng 8 năm 2025**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành **ngày 14 tháng 8 năm 2025** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Phạm Hồng M**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Minh P, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2007 và Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2011 cho ông M trực tiếp nuôi

đưỡng. Ông M không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Riêng con chung tên Phạm Minh T, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2005 đã trưởng thành và có công việc ổn định nên Tòa án không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà K và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

- Về nợ chung: Bà K và ông M cùng xác định là ông bà không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu 50% là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, **bà K tự** nguyện chịu toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng **mà bà K đã** nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000043 ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. **Bà K được** nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Vĩnh Long;
- UBND **xã Tân Hào, tỉnh Vĩnh Long**;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Huyền